

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Trung

Bà Hà Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bé H, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1975; (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H trình bày:*

Chị và anh Bùi Thanh P cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ với nhau do bất đồng trong cuộc sống. Từ đầu năm 2017, thì chị và anh P ly thân với nhau, từ khi ly thân đến nay chị và anh P không hàn gắn lại được với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn lại được và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh P, vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thanh P.

- Về con chung: có 01 con chung, tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 09/11/2015. Hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2020 bị đơn anh Bùi Thanh P trình bày:*

Anh và chị H cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 tháng nay thì xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng cự cãi. Nguyên nhân là do công việc anh bấp bênh, thu nhập không có dẫn đến hai vợ chồng cãi vã. Anh và chị H chỉ ly thân cách nay hơn hai tháng. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh và chị H có 01 con chung tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 09/11/2015. Hiện cháu V đang sống với chị H, khi ly hôn anh đồng ý để chị H được quyền nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Thanh P đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Bé H về việc yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh P. Giao cho chị H quyền trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 09/11/2015, ghi nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Thanh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Bé H và anh Bùi Thanh P kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh P phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa P đã thể hiện chị H và anh P mâu thuẫn với nhau. Mặc dù, chị H và anh P khai không thống nhất với nhau về thời gian mâu thuẫn và ly thân nhưng đã thể hiện anh chị có mâu thuẫn với nhau và hiện tại anh chị đang sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh P cũng đồng ý ly hôn với chị H. Qua đó thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Phạm Thị Bé H yêu cầu ly hôn anh Bùi Thanh P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Chị H và anh P có 01 con chung tên Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 09/11/2015, hiện đang sống cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh P cũng đồng ý để chị H tiếp tục nuôi cháu V. Do đó, giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé H đối với anh Bùi Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé H được ly hôn với anh Bùi Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Thúy V, sinh ngày 09/11/2015 cho chị Phạm Thị Bé H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Bé H không yêu cầu anh Bùi Thanh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008647 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Phạm Thị Bé H đã nộp xong án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Duy Linh**